

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04/11/2019

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L – TỈNH V

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Ông Lê Văn Hùng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:* Bà Diệp Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc: “*Chia tài sản sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Ng, sinh năm 1990, có mặt

Nơi cư trú: Thôn Ng, xã Ng, huyện L, tỉnh V.

Bị đơn: Anh Lê Việt A, sinh năm 1986, có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Ng, xã Ng, huyện L, tỉnh V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968, có mặt

Nơi cư trú: Thôn Ng, xã Ng, huyện L, tỉnh V.

2. Chị Đặng Thị Ng, sinh năm 1993, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện L, tỉnh V.

3. Chị Đặng Vân A, sinh năm 1995, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn V, xã X, huyện L, tỉnh V.

4. Chị Đặng Thị U, sinh năm 1997, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Hòa L, xã Ng, huyện L, tỉnh V.

Chị Nga, chị Vân A, chị U ủy quyền cho chị Đặng Thị Ng, theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2019.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 8 năm 2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đặng Thị Ng trình bày:

Ngày 02/7/2019, Tòa án nhân dân huyện L đã giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Lê Việt A. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và hòa giải thành số: 80/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh A, công nhận về thỏa thuận nuôi con, còn vấn đề tài sản chung lúc đó chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Nhưng sau khi giải quyết ly hôn xong, anh A gây khó dễ cho chị, không cho mẹ con chị về nhà để ở nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị giải quyết tài sản chung của vợ chồng. Chị xác định vợ chồng chị gồm có những tài sản sau: 01 ngôi nhà cấp 4 lợp mái tôn, 01 nhà ngang (gian bếp lớn), 01 nhà bếp; 01 tường rào và cổng sắt trước nhà; tường rào phía sau nhà; 01 chuồng gà và nhà vệ sinh xây dựng trên đất của bố mẹ đẻ chị ở thôn Ng, xã Ng, huyện L, tỉnh V từ năm 2014 và một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 bộ ghế sofa; 01 téc nước; 01 giường gỗ; 01 tủ gỗ ép. Nguồn tiền để làm nhà và xây dựng công trình phụ là do chị đi làm từ trước khi kết hôn với anh A chị tiết kiệm và gửi mẹ đẻ chị, anh A đi làm chỉ góp được 14.000.000đ để mua gạch xây nhà và trong quá trình làm nhà, vợ chồng chị có vay của mẹ đẻ chị (bà L) số tiền: 10.000.000đ, vay của mẹ chồng: 14.000.000đ, nợ tiền công xây nhà 14.000.000đ. Trong thời gian ly thân chị đã trả nợ toàn bộ số tiền này. Ngoài ra, vợ chồng chị còn mua được 01 chiếc máy giặt LG, sau khi ly hôn, anh A đã bán chiếc máy giặt này cho người khác, nên chị không yêu cầu đổi với chiếc máy giặt này nữa. Nay chị đề nghị chia những tài sản trên theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Lê Việt A trình bày:

Anh xác nhận về thời gian ly hôn như chị Ng trình bày là đúng. Vợ chồng anh có những tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 62m², 01 nhà ngang, 01 bếp được xây dựng trên đất của bố mẹ đẻ chị Nguyệt vào năm 2014. Đến năm 2016, vợ chồng anh tiếp tục lát 01 sân gạch, 01 bờ lan can, tường xây bao loan, năm 2018 tiếp tục xây dựng 01 chuồng gà. Tổng chi phí xây dựng các công trình là 230.000.000đ. Toàn bộ số tiền này là do hai vợ chồng cùng lao động mà có, ngoài ra không còn đóng góp công sức của ai khác, chị Ng cũng không có khoản tiền riêng nào đóng góp vào, vợ chồng anh có vay của mẹ đẻ anh 10.000.000đ và mẹ đẻ

chị Ng 10.000.000đ, số tiền này hai vợ chồng anh đã trả hết. Toàn bộ các công trình này anh là người đứng ra xây, quá trình thuê thợ xây dựng anh không viết hợp đồng xây dựng với ai, chỉ thỏa thuận miệng và trả tiền. Các công trình trên anh là người mua vật liệu xây dựng, xi măng, sắt, cát, sỏi, gạch anh mua của đại lý. Chiếc máy giặt LG là do anh mua, mua bằng hình thức trả góp, mỗi tháng trả 1.300.000đ, anh đã trả được 02 tháng, sau đó anh đã bán chiếc máy giặt này cho người khác, số tiền bán được anh đã trả hết số tiền còn thiếu, hiện nay anh đã trả xong và không còn nợ gì đối với khoản mua máy giặt nên anh cũng không đề nghị giải quyết. Nay chị Ng đề nghị chia tài sản chung sau khi ly hôn, anh đề nghị chị Ng phải thanh toán cho anh 80.000.000đ, anh sẽ để chị sử dụng toàn bộ số tài sản trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Ng đã yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ngày 25/9/2019, Tòa án nhân dân huyện L đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và thành lập Hội đồng định giá định giá tài sản, nhưng anh A không chấp nhận giá như Hội đồng định giá đã định giá, anh A có yêu cầu đề nghị định giá lại, nhưng trong thời gian Tòa án yêu cầu anh nộp chi phí tố tụng, nhưng anh A không nộp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Đặng Thị Ng. Vợ chồng bà có 04 người con gồm Đặng Thị Ng, Đặng Thị Ng, Đặng Thị U và Đặng Văn A. Vợ chồng bà có 01 thửa đất số 39, tờ bản đồ số 35, diện tích 1.296m², tại thôn Ng, xã Ng, huyện L, tỉnh V, được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/7/2002 đứng tên hộ ông Đặng Văn Qu là chồng bà, năm 2004 và 2005 vợ chồng bà đã chuyển nhượng 525m², còn lại 771m². Năm 2012, chồng bà mất không để lại di chúc gì, bà sống cùng con gái là Đặng Thị U đến năm 2016 chị U đi lấy chồng bà ở một mình và quản lý toàn bộ diện tích đất này.

Khoảng cuối năm 2013, vợ chồng chị Ng, anh A về gia đình bà nói muốn mượn đất để xây nhà ở và tiện cho việc đi lại, học hành của các con chị Ng nên bà đồng ý cho vợ chồng chị Ng mượn 100m² của gia đình bà để xây dựng nhà ở. Vợ chồng chị Ng, anh A có nhờ bà đứng ra trông nom (vì bà ở sát đó), quản lý việc xây dựng nhà cửa cho anh chị vì anh chị còn bận đi làm, anh chị xây 01 ngôi nhà cấp bốn và 02 gian nhà ngang xây hết 95.000.000đ. Bản thân chị Ng trước khi đi lấy chồng có 40.000.000đ tiền riêng nhờ bà cầm giúp, bà cho chị Ng vay 10.000.000đ, khi vay không có giấy tờ gì, nhưng khi vợ chồng chị Ng sống ly thân, chị Ng đã trả lại cho bà toàn bộ số tiền này. Ngoài ra, mẹ đẻ anh A còn cho vay 14.000.000đ (chia làm 02 lần: lần 1 là 10.000.000đ mẹ đẻ anh A trực tiếp đưa cho bà và lần 2 là 4.000.000đ anh A cầm rồi đi mua gạch lát nhà mang về và nói

lại với bà như vậy), các khoản tiền khác chị Ng vay mượn của ai và cóp từ tiền lương đi làm bà không nhớ rõ cụ thể. Sau khi xây dựng ngôi nhà xong vào đầu năm 2016, bà có ghi chép lại và đã đưa trả danh sách các khoản chi tiêu cho chị Ng. Ngoài ra, năm 2016, vợ chồng chị Ng anh A xây tường bao loan (hiện đã hư hỏng nhiều do anh A đập phá sau khi vợ chồng đã ly hôn).

Nay chị Ng, anh A chia tài sản chung sau ly hôn, bà xác định phần đất anh chị đã xây nhà và các công trình phụ là của gia đình bà, bà chỉ cho anh chị mượn để xây nhà ở. Nếu sau khi chia tài sản, chị Ng được quản lý và sử dụng toàn bộ công trình trên đất, bà nhất trí tiếp tục để chị Ng mượn đất để sinh sống trên đó, còn nếu anh A được quản lý, sử dụng các công trình thì bà không đồng ý cho anh A mượn đất.

Đại diện theo ủy quyền của Chị Đặng Thị Ng, chị Đặng Vân A, chị Đặng Thị U là chị Ng trình bày: đây là các chị em gái ruột của chị, đối với diện tích đất của bố mẹ chị chưa chia cho ai, kể cả chị, mẹ chị chỉ cho chị mượn đất để làm nhà. Nay chị Ng xác định đất này vẫn của bố mẹ chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đối với tài sản chung của chị và anh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Ph phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng. Các đương sự là nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của chị Ng và anh A, cần xác định toàn bộ những tài sản trên là của anh A, chị Ng và chia đôi nhưng giao cho chị Ng quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản và thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh A. Về án phí: Chị Ng, anh A phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị Ng có đơn yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn đối với anh Lê Việt A cư trú tại thôn Ng, xã Ng, huyện L, tỉnh V. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

[2]Về nội dung vụ án:

Về tài sản chung của vợ chồng chị Ng, anh A trong thời kỳ hôn nhân: chị Nguyệt xác định vợ chồng có tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 lợp mái tôn, 01 nhà ngang, 01 nhà bếp; 01 sân gạch; 01 tường rào và cổng sắt trước nhà; tường rào phía sau nhà; 01 chuồng gà và nhà vệ sinh xây dựng trên đất thửa đất số 39, tờ bản đồ số 35 của bố mẹ đẻ chị ở thôn Ng, xã Ng, huyện L, tỉnh V từ năm 2014 và một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 bộ ghế sofa; 01 téc nước; 01 giường gỗ; 01 tủ gỗ ép.

Anh A xác định tài sản chung của vợ chồng anh gồm có: 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 62m², 01 nhà ngang, 01 bếp được xây dựng trên đất của bố mẹ đẻ chị Nguyệt vào năm 2014, 01 sân gạch, 01 bờ lan can, tường xây bao loan xây dựng năm 2016, 01 chuồng gà xây dựng năm 2018.

Qua xem xét Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản ngày 25/9/2019 anh A, chị Ng đều xác định vợ chồng có những tài sản gồm: 01 ngôi nhà cấp bốn mái tôn diện tích 59m² trị giá 80.000.000đ; 01 nhà bếp diện tích 13,44m² trị giá 10.500.000đ; 01 nhà bếp diện tích 4m² trị giá: 3.000.000đ; 01 chuồng gà diện tích 41,4m² + 01 nhà vệ sinh diện tích 2,38m² trị giá: 12.000.000đ; 01 sân gạch diện tích 28,3m² trị giá 3.000.000đ; 01 tường rào 1,683m³ + 02 trụ cổng 0.465m³ và cánh cổng sắt trước nhà diện tích: 4,6m² = trị giá 7.000.000đ; tường rào phía sau nhà gồm cả hai đoạn trị giá: 2.000.000đ; 01 bộ salon ván ép trị giá: 500.000đ; 01 téc nước trị giá: 1.000.000đ; 01 giường ngủ 1.6 x 2m trị giá 800.000đ; 01 tủ gỗ ép trị giá: 700.000đ. Tổng giá trị tài sản của anh A, chị Ng là: 120.500.000đ (Một trăm hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa, anh A, chị Ng đều thống nhất để chị Ng sử dụng tài sản và thanh toán chênh lệch tài sản cho anh A. Anh A yêu cầu chị Ng thanh toán tiền chênh lệch tài sản là 80.000.000đ Hội đồng xét xử thấy rằng: Toàn bộ số tài sản trên đều do công sức của hai vợ chồng cùng tạo dựng lên nên cần chia đôi mỗi người một nửa để đảm bảo quyền lợi cho các bên. Cần giao cho chị Ng sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng và thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh A số tiền là 60.250.000đ.

Đối với chiếc máy giặt LG, hiện anh A đã bán, chị Ng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với diện tích đất 294m² (theo sổ đo hiện trạng) của bà L cho chị Ng, anh A mượn làm nhà ở, nay giao toàn bộ tài sản cho chị Ng sử dụng, bà L không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này bà L có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với việc anh A không nộp chi phí tố tụng để định giá lại tài sản, nên yêu cầu định giá lại tài sản của anh A không được chấp nhận.

Đối với số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chị Ng đã nộp tạm ứng 1.500.000đ đã chi phí hết. Nay chị Ng yêu cầu anh A phải thanh toán một nửa (750.000đ) số tiền trên cho chị.

Về án phí chia tài sản: Chị Ng, anh A phải chịu án phí đối với phần tài sản mà mình được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị Ng:

Giao chị Đặng Thị Ng sử dụng 01 ngôi nhà cấp bốn mái tôn diện tích 59m² trị giá 80.000.000đ; 01 nhà bếp diện tích 13,44m² trị giá 10.500.000đ; 01 nhà bếp diện tích 4m² trị giá: 3.000.000đ; 01 chuồng gà diện tích 41,4m² + 01 nhà vệ sinh diện tích 2,38m² trị giá: 12.000.000đ; 01 sân gạch diện tích 28,3m² trị giá 3.000.000đ; 01 tường rào 1,683m³ + 02 trụ cổng 0.465m³ và cánh cổng sắt trước nhà diện tích: 4,6m² = trị giá 7.000.000đ; tường rào phía sau nhà gồm cả hai đoạn trị giá: 2.000.000đ nằm trên diện tích đất 294m² tại đất thửa đất số 39, tờ bản đồ số 35 thôn Ng, xã Ng, huyện L, tỉnh V đứng tên hộ ông Đặng Văn Qu; 01 bộ salon ván ép trị giá: 500.000đ; 01 téc nước trị giá: 1.000.000đ; 01 giường ngủ 1.6 x 2m trị giá 800.000đ; 01 tủ gỗ ép trị giá: 700.000đ. Tổng giá trị tài sản là: 120.500.000đ (Một trăm hai mươi triệu năm trăm nghìn đồng). Chị Ng thanh toán tiền chênh lệch cho anh A số tiền: 60.250.000đ, trừ đi số tiền 750.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Chị Ng còn phải thanh toán cho anh A số tiền: 59.500.000đ (Năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí: Chị Đặng Thị Ng phải chịu 3.012.500đ (Ba triệu không trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) án phí chia tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 2.500.000đ theo biên lai số AA/2017/0000248 ngày 06/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Chị Ng phải nộp tiếp số tiền: 512.500đ (Năm trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Anh Lê Việt A phải chịu án phí chia tài sản chung là: 3.012.500đ (Ba triệu không trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày anh A có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Ng không trả hoặc chậm trả thì chị Ng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L
- THADS huyện L
- Các đương sự
- Lưu HS, Lưu Vp

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp